TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/DS-PT
Ngày: 21-3- 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Phương
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế
Ông Lê Quý My

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2022/TLPT- DS ngày 19/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Đ H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố CT, thị trấn Đ, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lưu Thúy H2, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư AT, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953; Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953; Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1978. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm CK, xã YĐ, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Phạm Thị H3, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố CT, thị trấn Đ, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.2 Văn phòng Công chứng DC. Địa chỉ số nhà 11, tổ 16, phường HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Trương Đ H là nguyên đơn và chị Nguyễn Thị Mai H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Trương Đ H trình bày: Ngày 24/8/2018, gia đình ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông S), chị Nguyễn Thị Mai H (con gái ông S) có vay của tôi số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Khi vay hai bên không làm hợp đồng vay tài sản, không thỏa thuận lãi suất và có thỏa thuận miệng thời gian vay là 03 tháng. Để đảm bảo khoản vay, ông S, bà Đ, chị H đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 55.200m^2 đất cho tôi tại Văn phòng công chứng DC, Thái Nguyên, số công chứng là 2113, 2114, quyển số 03TP/CC-SCC/HDGĐ ngày 24/8/2018, đồng thời ông S giao cho tôi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N472198 mang tên Nguyễn Văn S, địa chỉ xóm CK, xã YĐ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 55.200m^2, hiện tôi vẫn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Ngày 27/12/2018, được sự ủy quyền của ông S, bà Đ, chị H đến nhà tôi vay thêm số tiền 176.000.000 đồng. Việc vay nợ có giấy biên nhận tiền do chị H viết, ký tên và điểm chỉ. Khi vay hai bên có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay.

Khi đến hạn trả tiền, gia đình ông S không trả nợ được, tôi đã nhiều lần đến nhà ông S, yêu cầu trả nợ cho tôi nhưng gia đình ông S vẫn không trả. Tôi đã làm đơn ra UBND xã nhờ can thiệp. Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã YĐ, ông S, bà Đ và chị H nhất trí trả cho tôi số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận trong thời gian 02 tháng kể từ ngày lập biên bản. Đến ngày 24/6/2019, ông S, bà Đ và chị H trả cho tôi số tiền 100.000.000 đồng, do gia đình ông S khó khăn do vậy tôi chỉ yêu cầu phải trả cho tôi 200.000.000đ nhưng đến nay vẫn chưa trả được. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông S, bà Đ (vợ ông S) và chị H (con gái ông S) trả cho tôi số tiền 150.000.000 đồng.

2. Buộc chị H phải thanh toán cho tôi số tiền còn thiếu là 76.000.000 đồng.

3. Sau khi thanh toán khoản nợ trên tôi trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số cho ông S.

Tại các bản khai tại Tòa án bị đơn trình bày:

+ Ông Nguyễn Văn S: Ngày 24/8/2018, vợ chồng tôi và con gái là Nguyễn Thị Mai H có vay của anh Trương Đ H số tiền 150.000.000 đồng. Việc vay nợ không làm hợp đồng nhưng hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng 55.200m^2 cho anh H tại Văn phòng công chứng DC ở thành phố Thái Nguyên. Việc làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H thực chất là tôi thế chấp đất cho anh H

để vay tiền chứ không phải là mua bán chuyển nhượng đất, bởi diện tích đất của tôi có giá trị cao hơn nhiều so với số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền vay 150.000.000 đồng và đã trả được 100.000.000 đồng, ngoài ra tôi không được ký vào giấy vay tiền nào khác. Hiện tại gia đình tôi chỉ còn nợ anh H số tiền là 50.000.000 đồng. Tôi chấp nhận trả cho anh H và yêu cầu anh H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tôi.

+ Chị Nguyễn Thị Mai H trình bày: Ngày 24/8/2018, tôi cùng với bố mẹ tôi là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Đ có vay của anh Trương Đ H số tiền 150.000.000 đồng, hai bên lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng tại Văn phòng công chứng DC, thành phố Thái Nguyên. Việc vay nợ không lập thành văn bản, không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn thanh toán.

Ngày 27/12/2018, tôi ký giấy biên nhận vay tiền của anh H với số tiền 176.000.000 đồng. Số tiền này là tiền gốc và lãi của khoản vay 150.000.000 đồng. Giấy vay tiền chỉ có một mình tôi ký tên và điểm chỉ. Giấy vay tiền cũng không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay.

+ Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Tôi thừa nhận có vay của anh H số tiền 150.000.000 đồng, anh H bảo phải làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì mới cho vay, do vậy, gia đình tôi mới nhất trí làm theo. Tôi khẳng định chỉ vay anh H số tiền 150.000.000 đồng, đến nay đã trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H3: Tôi nhất trí với ý kiến trình bày của anh Trương Đ H.

Văn phòng Công chứng DC trình bày: Ngày 24/8/2018 tại Văn phòng công chứng DC có làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn S và anh Trương Đ H tại hai hợp đồng số 2113, 2114 vào sổ quyển số 03TP/CC-SCC/HDGĐ. Sau khi kiểm tra hồ sơ thấy đủ thủ tục nên Văn phòng đã làm thủ tục công chứng. Nay hai bên muốn hủy hợp đồng công chứng thì đề nghị đến văn phòng làm thủ tục. Nếu hai bên không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật.

Do các đương sự chưa thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, anh Trương Đ H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông S, bà Đ và chị H phải trả lại số tiền đã vay là 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, rút yêu cầu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Người làm chứng anh Hà Đ Hải khai: Chị H vay tiền của tôi số tiền 160.000.000đồng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N472198 do Ủy ban nhân dân Huyện Phú Lương cấp ngày 17/8/1998 mang tên hộ ông bà Nguyễn Văn S đã cắm ở một chỗ khác. Tôi đã đưa cho chị H số tiền 160.000.000

đồng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Do cần tiền để làm ăn nên tôi đã yêu cầu chị H trả tiền cho tôi. Ngày 24/8/2018, tôi đến văn phòng công chứng DC để nhận tiền của chị H và trả cho chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi thấy một người thanh niên khoảng hơn 30 tuổi (sau này tôi mới biết người đấy là anh Trương Đ H) trực tiếp đưa cho chị H số tiền 200.000.000 đồng. Ngay sau đó chị H đưa lại số tiền này cho tôi, tôi đã đếm đủ số tiền là 200.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng tôi nhận của chị H bao gồm tiền gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi và một số khoản vay khác.

Với nội dung trên, tại bản án dân sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Đ H.

1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trương Đ H và ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Mai H lập ngày 24/8/2018 do vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Mai H liên đới trả cho anh H số tiền là 50.000.000 đồng, trong đó mỗi người phải trả cho anh H số tiền 16.666.600 đồng. Buộc anh Trương Đ H trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N472198 do Ủy ban nhân dân Huyện Phú Lương cấp ngày 17/8/1998 mang tên hộ ông bà Nguyễn Văn S cho ông Nguyễn Văn S.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Mai H trả cho anh Trương Đ H số tiền là 176.000.000 đồng tiền gốc.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2022, anh Trương Đ H có đơn kháng cáo không nhất trí Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Anh H xác định cả hai khoản vay của ông S, bà Đ, chị H đều được thế chấp bảo đảm bởi Giấy chứng nhận QSD đất số N472198 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S, do vậy đây là tài sản bảo đảm là cơ sở để anh H cho gia đình ông S vay 2 lần, trong đó lần 1 là 150.000.000đ; lần hai chị H tự đến vay và ký nhận 176.000.000đ. Tại Ủy ban nhân dân xã chị H đã trả 100.000.000đ. Bản án tuyên ông S, bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền vay là 50.000.000 đồng, anh H trả cho ông S, bà Đ Giấy chứng nhận QSD đất số N472198 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S; chị H trả cho anh H số tiền 176.000.000đ là chưa đúng, nay yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền lợi cho anh H

Ngày 12/8/2022, chị Nguyễn Thị Mai H có đơn kháng cáo không nhất trí Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Chị H xác định chỉ có một khoản nợ

duy nhất 150.000.000đồng được gia đình ký nhận qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngoài ra không có khoản vay nào khác. Chị H nhất trí trả anh H số tiền còn lại 50.000.000đồng, không nhất trí trả số tiền 176.000.000đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa bị đơn chị H, giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng: Giấy biên nhận ngày 27/12/2018 có nội dung chị có mượn của anh H số tiền 176.000.000 đồng, chữ ký người mượn là do chị ký, tuy nhiên số tiền này không phải là khoản vay mới mà là số tiền gốc nợ cũ là 150.000.000đồng và lãi của 04 tháng chưa trả là 26.000.000 đồng, tổng cộng là 176.000.000đồng giữa chị và anh H chốt lại. Chị H thừa nhận trong buổi làm việc ngày 24/6/2019 tại UBND xã YĐ Huyện Phú Lương chị H đã nhất trí trả nợ anh H số tiền 100.000.000đồng, số tiền còn nợ là 200.000.000đồng hai bên thoả thuận trong thời hạn 60 ngày chị H sẽ trả đủ. Tại phiên toà phúc thẩm chị H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc giấy biên nhận 176.000.000đồng do chị H ký nhận là khoản tiền do hai bên chốt nợ từ khoản vay cũ.

Nguyên đơn anh H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh H cho rằng ngày 24/6/2019 tại UBND xã YĐ huyện Phú Lương chị H là người trực tiếp trả cho anh số tiền 100.000.000đồng để trừ vào số tiền chị H vay riêng ngày 27/12/2018 nên cá nhân chị H còn nợ anh H 76.000.000đồng. Số tiền do chị H, ông S, bà Đ vay 150.000.000đồng chưa trả. Anh H đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trương Đ H trình bày quan điểm bảo vệ và đề nghị: Buộc chị Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 150.000.000đồng. Chị H có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 176.000.000đồng đã trả 100.000.000đồng còn phải trả cho anh H số tiền 50.000.000đồng. Khi nào ông S, bà Đ và chị H trả cho anh H đủ số tiền vay thì anh H sẽ trả giấy chứng nhận QSD đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bác kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mai H, chấp nhận kháng cáo của anh Trương Đ H.

Sửa bản án sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Buộc chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Trương Đ H số tiền 176.000.000 đồng theo giấy biên nhận nợ ngày 27/12/2018 (đã thanh toán 100.000.000 đồng), còn phải thanh toán 76.000.000 đồng. Buộc ông S, bà Đ, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho anh H số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/8/2018, cụ thể mỗi người phải trả cho anh H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi

triệu đồng). Anh Trương Đ H có trách nhiệm trả cho ông S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N472198 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương cấp ngày 17/8/1998 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trương Đ H và chị Nguyễn Thị Mai H làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung:

[2.1 Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng tại Biên bản lấy lời khai; Biên bản làm việc ngày 24/4/2019; ngày 24/6/2019 và ngày 06/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã YĐ, huyện Phú Lương; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/8/2018; giấy biên nhận ngày 27/12/2018 và giấy cam kết (BL 29, 32, 34,67, 68); ông S, bà Đ, chị H nhận vay 150.000.000đồng và cá nhân chị H tự ký nhận 176.000.000đồng, tổng số tiền 326.000.000đồng, chị H đã trả cho anh H 100.000.000 đồng tại Ủy ban nhân dân xã YĐ ngày 24/6/2019, còn lại 226.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền nợ nêu trên là đúng.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mai H không nhất trí trả cho anh H số tiền 176.000.000 đồng ký nhận ngày 27/12/2018. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H cho rằng ngày 27/12/2018 chị có ký giấy biên nhận vay tiền của anh H với số tiền 176.000.000 đồng, số tiền này là tiền gốc và lãi của khoản vay 150.000.000 đồng là không có căn cứ bởi lẽ: Việc chị H tự ký nhận giấy biên nhận vay anh H với số tiền 176.000.000đồng (có chữ ký và điểm chỉ), quá trình làm việc tại Ủy ban nhân dân xã YĐ, bản thân chị H có thừa nhận vay số tiền trên, đồng thời khất lại 02 tháng kể từ ngày 06/9/2019 (BL 27; 28), Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm, chị H không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh là khoản vay 150.000.000đồng do anh H tính lãi Suất lên 176.000.000đồng, do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của chị H.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của anh Trương Đ H yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét bảo vệ quyền lợi cho anh buộc ông S, bà Đ, chị H có trách nhiệm trả 226.000.000 đồng cho anh và tại phiên tòa anh H yêu cầu ông S, bà Đ và chị H trả cho anh 150.000.000 đồng, cá nhân chị H trả 176.000.000 đồng (chị H đã trả 100.000.000 đồng, còn lại 76.000.000 đồng), đồng thời anh H nhất trí hoàn lại Giấy chứng nhận QSD đất số N472198 cho gia đình ông S. Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, anh H xác định anh có cho gia đình ông S, bà Đ, chị H vay hai lần tiền (ngày 24/8/2018 vay 150.000.000đồng; ngày 27/12/2018 chị H vay 176.000.000 đồng), cả hai lần vay gia đình ông S có thế

chấp Giấy chứng nhận QSD đất số N472198 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 24/8/2018 ông S, bà Đ, chị H cùng anh H đến Văn phòng công chứng DC làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số N472198 mang tên hộ ông Nguyễn Văn S với giá 150.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng nêu trên là để bảo đảm cho khoản vay của gia đình ông S, bà Đ chị H và cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng anh Hà Đ Hải (BL 07; 98)

Lần thứ hai: Ngày 27/12/2018 chị H có vay của anh H số tiền 176.000.000 đồng và ghi tôi có để lại một bìa đỏ số N472198, chị H tự ký nhận, điểm chỉ không có mặt ông S và bà Đ, anh H cũng xác nhận cho chị H vay riêng. Do vậy, chị H phải tự chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho anh H (chị H đã trả 100.000.000 đồng, còn lại 76.000.000 đồng).

[2.4] Án sơ thẩm xác định khoản tiền chị H trả cho anh H là 100.000.000đồng tại UBND xã YĐ, Huyện Phú Lương và trừ vào khoản vay 150.000.000đồng của chị H, ông S, bà Đ là chưa đúng. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị H và anh H đều xác định, ngày 24/6/2019 chị H là người trực tiếp trả cho anh H 100.000.000 đồng, không có mặt của ông S và bà Đ và không có căn cứ nào chứng minh đó là tiền của ông S, bà Đ cùng trả cho anh H. Có căn cứ xác định chị H đã trả 100.000.000 đồng vào khoản vay riêng 176.000.000 đồng của chị H ngày 27/12/2018, chị H còn nợ anh H 76.000.000 đồng.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Trương Đ H. Sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc ông S, bà Đ, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho anh H số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/8/2018, cụ thể mỗi người phải trả cho anh H số tiền 50.000.000 đồng. Buộc chị H có trách nhiệm trả cho anh H 176.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 27/12/2018, đã trả 100.000.000 đồng, còn phải trả 76.000.000 đồng.

[2.6] Về án phí sơ thẩm: Do sửa số tiền ông S, bà Đ, chị H phải trả cho anh H nên sửa phần án phí sơ thẩm đối với chị H theo quy định; Ông S và bà Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự.

Án phí phúc thẩm: Anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[2.7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mai H.

2. Chấp nhận kháng cáo của anh Trương Đ H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên .

3. Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Đ H.

3.1 Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Mai H liên đới trả cho anh Trương Đ H số tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó mỗi người phải trả cho anh H số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Buộc anh Trương Đ H trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N472198 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương cấp ngày 17/8/1998 mang tên hộ ông bà Nguyễn Văn S cho ông Nguyễn Văn S.

3.2 Buộc chị Nguyễn Thị Mai H trả cho anh Trương Đ H số tiền là 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng) tiền gốc.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b vàĐiều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí:

4.1 Chị H phải chịu 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008085 ngày 31/3/2021 và 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0003440 ngày12/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

4.2 Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm phúc thẩm. Hoàn trả anh H số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004034 ngày 10/02/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003448 ngày 23/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

4.3 Ông S, bà Đ được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông S 300.000 đồng số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008083 ngày 31/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TháiNguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- THADS huyện Phú Lương;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương